

GIÁ KHỞI ĐIỂM 17 LÔ ĐẤT THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CSHT KHU ĐẤT LÊ KHU PHỐ 5 PHƯỜNG ĐÔNG THANH, 8 LÔ ĐẤT THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CSHT KHU DÂN CƯ ĐƯỜNG THANH NIÊN (GIAI ĐOẠN 2) VÀ 4 LÔ ĐẤT THUỘC DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHƯỜNG 3 (Kèm theo Thông báo số: 60/TB -TTPTQĐ ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Phát triển quỹ đất phường Đông Hà)

Stt	Thông tin thửa đất			Tên đường, Mặt cắt đường	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)
	Ký hiệu lô đất	Số thửa	Số tờ BĐDC			
I Dự án Xây dựng CSHT khu đất lê khu phố 5, phường Đông Thanh						
1	5	342	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	257,2	1.458.240.000
2	7	344	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	258,7	1.464.540.000
3	8	345	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	259,1	1.466.220.000
4	9	346	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	259,6	1.468.320.000
5	10	347	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	260,0	1.470.000.000
6	11	348	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	256,0	1.453.200.000
7	12	349	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	249,9	1.427.580.000
8	13	350	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	244,2	1.403.640.000
9	14	351	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	238,3	1.378.860.000
10	15	352	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	232,7	1.355.340.000
11	16	353	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	227,1	1.331.820.000
12	19	356	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	211,1	1.264.620.000
13	21	358	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	202,3	1.213.800.000
14	22	359	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	198,0	1.188.000.000

Stt	Thông tin thửa đất			Tên đường, Mặt cắt đường	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)
	Ký hiệu lô đất	Số thửa	Số tờ BĐDC			
15	25	362	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	196,1	1.176.600.000
16	29	366	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	220,2	1.321.200.000
17	30	367	116	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	214,1	1.284.600.000
				Tổng (I)	3.984,6	23.126.580.000
II Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2)						
1	75	256	91	Tiếp giáp 2 tuyến đường liền cạnh (đường Mai Chiếm Cương - đường nhựa mặt cắt 13m giao với đường Nguyễn Hữu Ba - đường nhựa mặt cắt đường 15,5m)	307,3	2.212.560.000
2	76	255	91	Đường Nguyễn Hữu Ba (đường nhựa mặt cắt đường 15,5m)	311,4	1.868.400.000
3	107	254	91	Đường Nguyễn Hữu Ba (đường nhựa mặt cắt 15,5m)	309,9	1.859.400.000
4	108	253	91	Tiếp giáp 2 tuyến đường liền cạnh (đường Phạm Huy Thông - đường nhựa có mặt cắt 13m giao với đường Nguyễn Hữu Ba - đường nhựa có mặt cắt đường 15,5m)	303,8	2.187.360.000
5	109	183	91	Tiếp giáp 2 tuyến đường liền cạnh (đường Phạm Huy Thông - đường nhựa có mặt cắt 13m giao với đường Nguyễn Hữu Ba - đường nhựa có mặt cắt đường 15,5m)	306,1	2.203.920.000
6	110	185	91	Đường Nguyễn Hữu Ba (đường nhựa có mặt cắt 15,5m)	311,9	1.871.400.000
7	141	180	91	Đường Nguyễn Hữu Ba (đường nhựa có mặt cắt 15,5m)	307,7	1.846.200.000
8	142	178	91	Tiếp giáp 2 tuyến đường liền cạnh (đường nhựa 20,5m giao với đường Nguyễn Hữu Ba - đường nhựa có mặt cắt 15,5m)	288,2	3.008.808.000
				Tổng (II)	2.446,3	17.058.048.000

Stt	Thông tin thửa đất			Tên đường, Mặt cắt đường	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)
	Ký hiệu lô đất	Số thửa	Số tờ BĐDC			
III	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư phường 3					
1	19	604	138	Đường nhựa mặt cắt 11,5m	195,2	1.093.120.000
2	30	615	138	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	196,0	1.176.000.000
3	57	642	138	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	196,0	1.176.000.000
4	61	646	138	Đường nhựa mặt cắt 13,5m	196,0	1.176.000.000
				Tổng (III)	783,2	4.621.120.000
				Tổng (I+II+III)	7.214,1	44.805.748.000